

ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG

**PHÁP LUẬT VỀ DỊCH VỤ CHỨNG THỰC,  
QUA THỰC TIỄN TẠI TỈNH GIA LAI**

Ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ**

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2023

Công trình được hoàn thành tại:  
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Hoàng Thị Thu Thủy**

Phản biện 1: .....

Phản biện 2: .....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn  
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng ..... năm.....

**Trường Đại học Luật, Đại học Huế**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	1
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	4
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn .....	5
7. Kết cấu của luận văn .....	6
<b>CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ DỊCH VỤ CHỨNG THỰC.....</b>	<b>7</b>
<b>1.1. Khái quát về dịch vụ chứng thực.....</b>	<b>7</b>
1.1.1. Khái niệm về dịch vụ chứng thực .....	7
1.1.2. Đặc điểm và vai trò của dịch vụ chứng thực.....	7
1.1.3. Phân biệt giữa chứng thực và công chứng .....	7
<b>1.2. Khái quát pháp luật về dịch vụ chứng thực .....</b>	<b>8</b>
1.2.1. Khái niệm, đặc trưng pháp luật về dịch vụ chứng thực .....	8
1.2.2. Nội dung pháp luật về dịch vụ chứng thực .....	8
1.2.3. Khái quát về lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật về dịch vụ chứng thực .....	8
Tiểu kết Chương 1.....	11
<b>CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ DỊCH VỤ CHỨNG THỰC VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI TỈNH GIA LAI.....</b>	<b>12</b>
<b>2.1. Thực trạng pháp luật về dịch vụ chứng thực .....</b>	<b>12</b>
2.1.1. Quy định pháp luật về dịch vụ chứng thực .....	12
2.1.2. Đánh giá thực trạng pháp luật về dịch vụ chứng thực .....	13
<b>2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về dịch vụ chứng thực tại tỉnh Gia Lai</b>	<b>13</b>
2.2.1. Tình hình thực hiện dịch vụ chứng thực tại tỉnh Gia Lai.....	13
2.2.2. Một số vướng mắc, bất cập phát sinh và nguyên nhân từ thực tiễn thực hiện pháp luật về dịch vụ chứng thực tại tỉnh Gia Lai.....	13
Tiểu kết Chương 2.....	15
<b>CHƯƠNG 3.....</b>	<b>16</b>
<b>ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ .....</b>	<b>16</b>
<b>NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT.....</b>	<b>16</b>
<b>VỀ DỊCH VỤ CHỨNG THỰC.....</b>	<b>16</b>
<b>3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về dịch vụ chứng thực.....</b>	<b>16</b>
3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về dịch vụ chứng thực phải gắn liền với tổng thể cải cách thủ tục hành chính và xây dựng chính quyền điện tử.....	16
3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về dịch vụ chứng thực phải khắc phục các bất cập, vướng mắc phát sinh từ thực tiễn.....	16
3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về dịch vụ chứng thực phải gắn đảm bảo sự đồng bộ và thống nhất với các lĩnh vực pháp luật có liên quan.....	16
<b>3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về dịch vụ chứng thực. ....</b>	<b>17</b>

3.2.1. Xây dựng Luật chứng thực.....	17
3.2.2. Hoàn thiện các quy định pháp luật hiện hành về chứng thực .....	18
<b>3.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về dịch vụ chứng thực trên địa bàn Tỉnh Gia Lai .....</b>	<b>18</b>
3.3.1. Nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ công chức tư pháp địa phương. ....	18
3.3.2. Đẩy mạnh hiệu quả thực hiện công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật về dịch vụ chứng thực .....	19
3.3.3. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong hoạt động chứng thực .....	19
Tiêu kết Chương 3 .....	20
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>21</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

<b>STT</b>	<b>Tên viết tắt</b>	<b>Chú thích</b>
1	UBND	Ủy ban nhân dân
2	HĐ/GD	Hợp đồng/Giao dịch
3	BTP	Bộ Tư pháp
4	HĐND	Hội đồng nhân dân
5	QLNN	Quản lý nhà nước
6	TTHC	Thủ tục hành chính



## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Hiện nay, hoạt động chứng thực thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 01/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp đã tạo thành hành lang pháp lý quan trọng để các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận tính chính xác, tính hợp pháp của các loại giấy tờ, văn bản hoặc chữ ký của các cá nhân; qua đó góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, tổ chức có liên quan trong các quan hệ dân sự, kinh tế, lao động, hành chính,... Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, các quy định pháp luật về dịch vụ chứng thực đã bộc lộ một số hạn chế nhất định làm ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình thực hiện chứng thực. Chính vì vậy, việc thực hiện đồng bộ các kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về dịch vụ chứng thực có ý nghĩa quan trọng, góp phần hoàn thiện pháp luật về dịch vụ chứng thực; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện hoạt động chứng thực; góp phần bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, tổ chức và cơ quan nhà nước có liên quan trong các quan hệ dân sự, kinh tế, lao động, hành chính. Đó là lý do, tôi lựa chọn chủ đề **“Pháp luật về dịch vụ chứng thực, qua thực tiễn tại tỉnh Gia Lai”** làm đề tài nghiên cứu cho Luận văn thạc sỹ chuyên ngành Luật Kinh tế.

### 2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Ở nước ta, trong những năm qua đã có một số công trình nghiên cứu, bài viết liên quan trực tiếp, gián tiếp hoặc có liên quan đến vấn đề, có thể kể đến:

- Trần Việt Dũng (2022), *Các quy định pháp luật về dịch vụ chứng thực: Một số hạn chế và kiến nghị sửa đổi, bổ sung*, Tạp chí Pháp luật và thực tiễn, Truy vấn từ <https://tapchi.hul.hueuni.edu.vn/index.php/jl/article/view/93>. Bài viết đã phân tích một số hạn chế của các quy định pháp luật về dịch vụ chứng thực, đề xuất một số kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về dịch vụ chứng thực để góp phần hoàn thiện pháp luật về dịch vụ chứng thực, từ đó thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

- Nguyễn Thị Lan (2017), *“Pháp luật về dịch vụ chứng thực ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng và giải pháp”*, Luận văn thạc sỹ Trường Đại học Luật Hà Nội. Luận văn đã đánh giá pháp luật hiện hành về chứng thực, hướng tới đối chiếu việc thực hiện pháp luật chứng thực ở Việt Nam hiện nay, chỉ ra những vướng mắc,

khó khăn trong việc áp dụng pháp luật. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về dịch vụ chứng thực ở Việt Nam hiện nay và các giải pháp đảm bảo thực hiện có hiệu quả quy định pháp luật về dịch vụ chứng thực.

- Dương Văn Đức (2018), “*Chứng thực của UBND phường thực tiễn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội*”, Luận văn thạc sĩ Học viện Khoa học xã hội. Luận văn đã làm rõ những vấn đề lý luận về chứng thực, các quy định pháp luật về dịch vụ chứng thực và thực tiễn chứng thực tại UBND phường, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; từ đó đề xuất giải pháp khắc phục những tồn tại hạn chế về chứng thực của UBND phường,

- Nguyễn Thị Thúy Vân (2017), *Chứng thực của UBND xã từ thực tiễn huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ Học viện Khoa học xã hội. Luận văn đã làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về chứng thực của UBND xã nói chung và trên địa bàn huyện Mỹ Đức nói riêng. Từ đó đưa ra được những thành tựu, hạn chế và tìm kiếm giải pháp hoàn thiện pháp luật về dịch vụ chứng thực và giải pháp thực hiện hiệu quả hơn chứng thực của Ủy ban nhân dân xã.

- Chu Thị Tuyết Lan (2012), “*Quản lý nhà nước về chứng thực thực trạng và phương hướng đổi mới*”, Luận văn thạc sĩ, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận văn đã làm rõ một số vấn đề lý luận trong lĩnh vực chứng thực, thực trạng QLNN về chứng thực từ đó đưa ra những phương hướng, giải pháp để QLNN ngày càng hiệu quả hơn.

- Nguyễn Thùy Dung (2014), “*Quản lý nhà nước về chứng thực - Qua thực tiễn Thành phố Hà Nội*”, Luận văn thạc sĩ, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận văn đã làm sáng tỏ một cách có hệ thống những vấn đề lý luận và thực trạng quản lý nhà nước về chứng thực thông qua thực tiễn tại thành phố Hà Nội. Thông qua đó luận văn đưa ra những thành tựu, hạn chế trong quản lý nhà nước về chứng thực của Việt Nam nói chung và của thành phố Hà Nội nói riêng và đưa ra các giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế đó.

- Hoàng Văn Tá (2020), “*Chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã từ thực tiễn huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai*”, Luận văn thạc sĩ Học viện Khoa học xã hội. Luận văn đã nghiên cứu các vấn đề lý thuyết và việc áp dụng thực tiễn về chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn huyện Chư Pưh, từ đó nêu ra những thành quả đạt được và các hạn chế, đưa ra giải pháp để hoàn thiện pháp luật về dịch vụ chứng thực, các biện pháp để thực thi có hiệu quả.



- Hoàng Thị Dung (2020), *Pháp luật về dịch vụ chứng thực tại ủy ban nhân dân cấp xã – từ thực tiễn huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Hành chính Quốc gia. Luận văn nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận, pháp lý về chứng thực tại UBND cấp xã, chỉ ra những ưu điểm, hạn chế từ thực tiễn thực hiện các quy định này tại UBND cấp xã trên địa bàn huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội và đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định về chứng thực tại UBND cấp xã.

- Đỗ Hồng Phúc (2020), *“Thực hiện pháp luật về dịch vụ chứng thực từ thực tiễn quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội”*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Hành chính Quốc gia. Luận văn đã phân tích và đánh giá thực trạng các quy định pháp luật và thực hiện pháp luật về dịch vụ chứng thực; nêu ra và phân tích những bất cập trong thực hiện quy định của pháp luật hiện hành về công tác chứng thực, từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về dịch vụ chứng thực.

Hầu hết các công trình nghiên cứu trước đây đều được thực hiện dưới góc độ nghiên cứu về quản lý nhà nước đối với lĩnh vực chứng thực. Qua luận văn nghiên cứu này, tác giả mong muốn cung cấp thêm một góc nhìn chứng thực là một loại dịch vụ hành chính phục vụ người dân. Từ thực tế thực hiện dịch vụ này trên địa bàn tỉnh Gia Lai, luận văn đánh giá về những vướng mắc, bất cập mà pháp luật về dịch vụ chứng thực từ đó đề xuất các giải pháp, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định của pháp luật về dịch vụ chứng thực, nâng cao chất lượng dịch vụ, sự hài lòng của người dân.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Trên cơ sở nghiên cứu, luận văn cung cấp luận cứ khoa học là cơ sở đưa ra một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật về dịch vụ chứng thực và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về dịch vụ chứng thực, cũng như góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ chứng thực, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của người dân sử dụng dịch vụ chứng thực trên địa bàn tỉnh Gia Lai nói riêng và cả nước nói chung.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để đạt được các mục đích nêu trên, Luận văn tập trung giải quyết các nhiệm vụ chủ yếu sau:

*Thứ nhất*, hệ thống một số vấn đề lý luận về dịch vụ chứng thực và pháp luật về dịch vụ chứng thực. Đánh giá thực trạng pháp luật hiện hành và chỉ ra những hạn chế của pháp luật về dịch vụ chứng thực.

*Thứ hai*, nghiên cứu, đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về dịch vụ chứng thực tại tỉnh Gia Lai trên cơ sở đó chỉ ra một số hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân của hạn chế, vướng mắc.

*Thứ ba*, trên cơ sở thực trạng, luận văn đề xuất các định hướng, giải pháp, kiến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về dịch vụ chứng thực.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

##### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là các quan điểm khoa học pháp lý về dịch vụ chứng thực và pháp luật về dịch vụ chứng thực.

Thực tiễn thực hiện pháp luật về dịch vụ chứng thực thông qua các số liệu, báo cáo về dịch vụ chứng thực tại tỉnh Gia Lai.

##### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Phạm vi nội dung nghiên cứu: Luận văn tập trung vào việc làm rõ 3 nội dung cơ bản của pháp luật về dịch vụ chứng thực và thực tiễn thực hiện pháp luật về dịch vụ chứng thực: (i) Thẩm quyền và trách nhiệm thực hiện dịch vụ chứng thực; (ii) Phạm vi thực hiện dịch vụ chứng thực; (iii) Trình tự, thủ tục thực hiện dịch vụ chứng thực.

Phạm vi về thời gian: Từ giai đoạn năm 2018 đến năm 2022.

Phạm vi địa bàn nghiên cứu: Tỉnh Gia Lai

#### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

##### **5.1. Phương pháp luận**

Luận văn được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; quan điểm của chủ nghĩa Mác Lênin về nhà nước và pháp luật; quan điểm chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với hoạt động quản lý nhà nước.

##### **5.2. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp phân tích, tổng hợp: Phương pháp này được sử dụng trong tất cả các chương của luận văn. Cụ thể được sử dụng để trình bày các hiện tượng, các quan điểm pháp lý về điều kiện thực hiện các dịch vụ chứng thực; khái quát để

phân tích rút ra những thuộc tính, đặc trưng bản chất, các quy định của pháp luật về dịch vụ chứng thực. Từ đó, rút ra những đánh giá, kết luận, kiến nghị về định hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về dịch vụ chứng thực.

- Phương pháp tổng hợp, thống kê (số liệu thứ cấp): Phương pháp này chủ yếu được áp dụng nhằm đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật về dịch vụ chứng thực trên thực tế tại tỉnh Gia Lai qua các số liệu tổng kết, số lượng giao dịch, hồ sơ đề nghị chứng thực hoặc những hồ sơ chứng thực gặp vướng mắc, ngưng trệ trên thực tế. Trên cơ sở đó, tìm ra đâu là nguyên nhân của những thực trạng đó để có định hướng và giải pháp khắc phục.

- Phương pháp hệ thống hóa: Được sử dụng xuyên suốt toàn bộ trong các chương của Luận văn, nhằm trình bày các vấn đề, nội dung nghiên cứu theo một trình tự, bố cục hợp lý, chặt chẽ, logic và gắn kết được những vấn đề cần nghiên cứu.

## **6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn**

### **6.1. Về mặt lý luận**

Thứ nhất, luận văn đã hệ thống các vấn đề lý luận về pháp luật dịch vụ chứng thực bao gồm các nội dung như: Khái niệm, đặc trưng, vai trò của dịch vụ chứng thực; phân biệt dịch vụ chứng thực với công chứng; khái niệm, đặc điểm của pháp luật về dịch vụ chứng thực và xác định nội dung của pháp luật về dịch vụ chứng thực.

Thứ hai, luận văn đã phân tích tương đối toàn diện thực trạng pháp luật và vấn đề thực tiễn thực hiện pháp luật về dịch vụ chứng thực tại Tỉnh Gia Lai, chỉ ra những hạn chế, bất cập của pháp luật hiện hành và những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành.

Thứ ba, đưa ra định hướng và đề xuất các giải pháp cụ thể để hoàn thiện khung pháp luật về dịch vụ chứng thực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta trong giai đoạn tới, đặc biệt là đáp ứng yêu cầu và nhu cầu của quá trình hội nhập quốc tế trong giai đoạn hiện nay tại Việt Nam.

### **6.2. Về mặt thực tiễn**

Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể sử dụng làm tài liệu nghiên cứu, học tập tại các cơ sở đào tạo chuyên ngành Luật và các tổ chức, cá nhân quan tâm đến vấn đề này.

## **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, kết cấu luận văn gồm ba chương.

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về dịch vụ chứng thực

Chương 2: Thực trạng pháp luật về dịch vụ chứng thực và thực tiễn thực hiện tại Tỉnh Gia Lai

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về dịch vụ chứng thực

# **CHƯƠNG 1:**

## **MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ DỊCH VỤ CHỨNG THỰC**

### **1.1. Khái quát về dịch vụ chứng thực**

#### ***1.1.1. Khái niệm về dịch vụ chứng thực***

Như vậy, trải qua các thời kỳ đến nay, chưa có văn bản pháp luật nào đưa ra một khái niệm rõ ràng, bao quát được đúng bản chất của hoạt động chứng thực, mà chủ yếu đưa ra khái niệm chứng thực của một việc cụ thể nào đó. Tuy nhiên, phân tích từ các khái niệm nêu trên thì có thể đưa ra một khái niệm chung nhất: *«Dịch vụ chứng thực là việc các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực xác nhận tính chính xác, tính có thực của các giấy tờ, văn bản, chữ ký của cá nhân, các sự kiện pháp lý, thông tin cá nhân để phục vụ trong các quan hệ dân sự, kinh tế, hành chính»*

#### ***1.1.2. Đặc điểm và vai trò của dịch vụ chứng thực***

##### ***1.1.2.1. Đặc điểm của dịch vụ chứng thực***

Thứ nhất, dịch vụ chứng thực là hoạt động mang tính chất hành chính do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện.

Thứ hai, bản chất của dịch vụ chứng thực là xác thực giá trị pháp lý của văn bản, chứng nhận sự việc theo quy định của pháp luật.

##### ***1.1.2.2. Vai trò của dịch vụ chứng thực***

Thứ nhất, dịch vụ chứng thực là phương thức hỗ trợ thực hiện quyền con người.

Thứ hai, dịch vụ chứng thực là công cụ hỗ trợ hoạt động hành chính có hiệu quả, giảm phiền hà cho tổ chức, cá nhân.

#### ***1.1.3. Phân biệt giữa chứng thực và công chứng***

Thứ nhất, về bản chất.

Thứ hai, về cơ quan thực hiện.

Thứ ba, về người có thẩm quyền.

Thứ tư, về trách nhiệm của người thực hiện.

Thứ năm, về giá trị pháp lý văn bản được công chứng, chứng thực.

Thứ sáu, về trách nhiệm bồi thường.

Thứ bảy, về pháp luật điều chỉnh: Đối với công chứng thì pháp luật điều chỉnh là Luật Công chứng năm 2014; còn đối với chứng thực thì đó là Nghị định 23/2015/NĐ-CP, Thông tư số 01/2020/TT-BTP.

## **1.2. Khái quát pháp luật về dịch vụ chứng thực**

### **1.2.1. Khái niệm, đặc trưng pháp luật về dịch vụ chứng thực**

Trong khoa học luật có thể hiểu: “*Pháp luật về dịch vụ chứng thực là tổng thể những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và đảm bảo thực hiện để điều chỉnh hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc xác nhận tính chính xác, tính có thực của các giấy tờ, văn bản, chữ ký của cá nhân, các sự kiện pháp lý, thông tin cá nhân để tổ chức, cá nhân sử dụng trong các quan hệ dân sự, kinh tế, hành chính*”. Từ khái niệm trên có thể nhận thấy, pháp luật về dịch vụ chứng thực có một số đặc trưng cơ bản sau:

Thứ nhất, pháp luật về dịch vụ chứng thực là pháp luật về hình thức (pháp luật về thủ tục) và có mối liên hệ chặt chẽ với pháp luật về nội dung thuộc các chuyên ngành khác.

Thứ hai, pháp luật về dịch vụ chứng thực là “cầu nối”, là điểm giao thoa trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Bên cạnh đó, pháp luật chứng thực là tạo ra sự tin tưởng lẫn nhau và không lừa dối, đó là yếu tố cần thiết và điều kiện không thể thiếu để tạo lập các giao dịch hoặc giải quyết các thủ tục.

### **1.2.2. Nội dung pháp luật về dịch vụ chứng thực**

Thứ nhất, nhóm quy phạm điều chỉnh về thẩm quyền và trách nhiệm thực hiện dịch vụ chứng thực.

Thứ hai, nhóm quy phạm điều chỉnh về phạm vi thực hiện dịch vụ chứng thực

Thứ ba, nhóm quy phạm điều chỉnh về trình tự, thủ tục thực hiện dịch vụ chứng thực

## **1.2.3. Khái quát về lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật về dịch vụ chứng thực**

### **1.2.3.1. Giai đoạn từ năm 1986 đến năm trước 2000.**

Ngày 10/10/1987, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 574/QLTPK hướng dẫn công tác công chứng Nhà nước.. Đây là văn bản quy phạm

pháp luật đầu tiên về tổ chức được ban hành để khai sinh ra những Phòng Công chứng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, là bước thử nghiệm một mô hình công chứng theo kiểu công chứng của Liên Xô cũ và các nước Đông Âu, tạo tiền đề để xây dựng một văn bản quy phạm pháp luật ở mức cao hơn trong những năm tiếp theo. Theo Thông tư này thì công chứng nhà nước là một hoạt động của nhà nước, nhằm giúp công dân, các cơ quan, tổ chức lập và xác nhận các văn bản, sự kiện có ý nghĩa pháp lý, hợp pháp hóa các văn bản, sự kiện đó, làm cho các văn bản, sự kiện đó có hiệu lực thực hiện.

Ngày 27/02/1991, Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành Nghị định số 45/HĐBT về tổ chức và hoạt động công chứng Nhà nước. Đây là văn bản đầu tiên ở tầm Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động công chứng nhà nước.

Ngày 18/5/1996, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 31/CP (thay thế cho Nghị định 45/HĐBT ngày 27/02/1991) về tổ chức và hoạt động công chứng nhà nước. Nghị định cũng đã sử dụng thuật ngữ chứng thực trong việc chứng thực bản sao các giấy tờ, văn bản.

### ***1.2.3.2. Giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2007.***

Trong điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đến năm 2000, công chứng, chứng thực ở Việt Nam đã chứng tỏ là một công cụ đắc lực phục vụ quản lý nhà nước có hiệu quả góp phần tích cực phòng ngừa tranh chấp, tạo ra sự an toàn pháp lý cho các quan hệ giao dịch trong xã hội. Để đáp ứng nhu cầu công chứng, chứng thực ngày càng tăng của cá nhân, tổ chức phục vụ phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động công chứng, chứng thực, tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực này vì vậy ngày 08/12/2000, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 75/2000/NĐ-CP về công chứng, chứng thực. Nghị định được ban hành để khắc phục những điểm còn bất cập của Nghị định số 31/CP tạo điều kiện cho công tác công chứng, chứng thực ở Việt Nam tiếp tục phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu.

Nghị định số 75/2000/NĐ-CP là văn bản pháp lý đầu tiên đã phân biệt giữa công chứng và chứng thực. Tuy nhiên, việc phân biệt này chỉ căn cứ trên chủ thể thực hiện.

### ***1.2.3.3. Giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2014.***

Thực hiện chủ trương tách bạch giữa hoạt động công chứng và chứng thực theo Nghị quyết số 49/NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, ngày 29 tháng 11 năm 2006 Quốc hội Khóa XI tại kỳ họp thứ 10 đã thông qua Luật Công chứng điều chỉnh tổ chức và hoạt động công chứng. Hoạt động chứng thực được điều chỉnh bởi Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký. Nghị định Số 79/2007/NĐ-CP được xây dựng bám sát các quan điểm như kế thừa và phát triển những quy định của Nghị định số 75/2000/NĐ-CP về chứng thực; quán triệt tinh thần cải cách hành chính nhằm bảo đảm thuận lợi cho nhân dân theo hướng mở rộng chủ thể có thẩm quyền chứng thực, xác định rõ phạm vi của hoạt động chứng thực, đơn giản hoá trình tự, thủ tục chứng thực; thực hiện phân cấp, ủy quyền mạnh mẽ cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các việc chứng thực; nâng cao trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc giải quyết nhu cầu về chứng thực của nhân dân, giải quyết triệt để tình trạng ách tắc, phiền hà, tiêu cực trong hoạt động chứng thực.

### ***1.2.3.4. Giai đoạn từ tháng 4/2015 đến nay.***

Đề khắc phục những tồn tại, hạn chế nhất là quy định về phân định thẩm quyền chứng thực phân biệt rõ ràng về tính chất, phạm vi chứng thực hợp đồng, giao dịch với công chứng hợp đồng, giao dịch,... Ngày 16/02/2015 Chính phủ đã ký ban hành Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch, thay thế Nghị định số 79/2007/NĐ-CP, Nghị định số 04/2012/NĐ-CP, Điều 4 của Nghị định số 06/2012/NĐ-CP, các quy định về chứng thực hợp đồng, giao dịch tại Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực. Nghị định này bao gồm 05 chương, 49 Điều với nhiều điểm mới so với các văn bản trước đó.

Trên cơ sở Nghị định số 23/2015/NĐ-CP thì ngày 03 tháng 3 năm 2020 Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 01/2020/TT-BTP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch (gọi tắt là Thông tư 01/2020/TT-BTP), có hiệu lực kể từ ngày 20/4/2020. Việc Bộ Tư pháp ban hành



Thông tư 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 đã góp phần giải quyết được những vướng mắc, bất cập cơ bản trong công tác chứng thực thời gian qua; đồng thời, tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết các vụ việc về chứng thực một cách thuận lợi, nhanh chóng và thống nhất trên phạm vi cả nước.

### **Tiểu kết Chương 1**

Trong phạm vi nghiên cứu Chương 1, tác giả đã giải quyết các nội dung sau:

1. Làm rõ khái niệm, đặc điểm về dịch vụ chứng thực. Theo đó, *dịch vụ chứng thực là việc các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực xác nhận tính chính xác, tính có thực của các giấy tờ, văn bản, chữ ký của cá nhân, các sự kiện pháp lý, thông tin cá nhân để phục vụ trong các quan hệ dân sự, kinh tế, hành chính.* Đồng thời, luận văn đã phân biệt sự khác biệt giữa dịch vụ chứng thực và công chứng.

2. Làm rõ khái niệm, đặc trưng pháp lý, vai trò của pháp luật về dịch vụ chứng thực. Theo đó, *pháp luật về dịch vụ chứng thực là tổng thể những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và đảm bảo thực hiện để điều chỉnh hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc xác nhận tính chính xác, tính có thực của các giấy tờ, văn bản, chữ ký của cá nhân, các sự kiện pháp lý, thông tin cá nhân để tổ chức, cá nhân sử dụng trong các quan hệ dân sự, kinh tế, hành chính.*

3. Luận văn cũng đã khái quát quá trình điều chỉnh của pháp luật về dịch vụ chứng thực qua các thời kỳ cho thấy những bước thay đổi về nhận thức của nhà nước về pháp luật về dịch vụ chứng thực cũng như có cách nhìn tổng quan về quá trình phát triển của loại hình dịch vụ này gắn với từng giai đoạn phát triển của nhà nước và xã hội.

Các nghiên cứu tại Chương 1 là cơ sở lý thuyết quan trọng để tác giả tiến hành phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về dịch vụ chứng thực tại Chương 2.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ DỊCH VỤ CHỨNG THỰC VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI TỈNH GIA LAI

#### 2.1. Thực trạng pháp luật về dịch vụ chứng thực

##### 2.1.1. Quy định pháp luật về dịch vụ chứng thực

###### 2.1.1.1. Thẩm quyền và trách nhiệm thực hiện dịch vụ chứng thực

Thứ nhất, đối với thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính.

Thứ hai, đối với thẩm quyền chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản.

Thứ ba, đối với thẩm quyền chứng thực chữ ký người dịch.

Thứ tư, đối với thẩm quyền chứng thực hợp đồng, giao dịch: Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định Phòng Tư pháp và UBND cấp xã cùng có thẩm quyền chứng thực: hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản (khoản 1, khoản 2 Điều 5).

Thứ năm, về thẩm quyền chứng thực của công chứng viên.

###### 2.1.1.2. Phạm vi thực hiện dịch vụ chứng thực

Thứ nhất, về chứng thực bản sao từ bản chính.

Thứ hai, về chứng thực chữ ký.

Thứ ba, về nội dung chứng thực hợp đồng, giao dịch.

###### 2.1.1.3. Trình tự, thủ tục thực hiện dịch vụ chứng thực

Thứ nhất, về giá trị pháp lý của bản sao được chứng thực từ bản chính, chữ ký được chứng thực và hợp đồng, giao dịch được chứng thực.

Thứ hai, thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực (Điều 7, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP).

Thứ ba, địa điểm chứng thực (Điều 10, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP).

Thứ tư, tiếng nói và chữ viết dùng trong chứng thực hợp đồng, giao dịch (Điều 11, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP).

Tiếng nói và chữ viết dùng trong chứng thực hợp đồng, giao dịch là tiếng Việt. Trường hợp người yêu cầu chứng thực không thông thạo tiếng Việt thì phải có người phiên dịch.

Thứ năm, lời chứng (Điều 12, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP).

Lời chứng là nội dung bắt buộc của Văn bản chứng thực.

Thứ sáu, sổ chứng thực và sổ chứng thực (Điều 13, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP).

Thứ bảy, chế độ lưu trữ (Điều 14, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP).

Thứ tám, lệ phí chứng thực, chi phí khác (Điều 15, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP).

### ***2.1.2. Đánh giá thực trạng pháp luật về dịch vụ chứng thực***

Thứ nhất, về định nghĩa chứng thực.

Thứ hai, việc quy định xuất trình và nộp các giấy tờ tùy thân khi thực hiện chứng thực không còn phù hợp với Luật Căn cước công dân năm 2014.

Thứ ba, về chứng thực bản sao từ bản chính.

Thứ tư, về chứng thực chữ ký.

Thứ năm, về chứng thực hợp đồng, giao dịch.

## **2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về dịch vụ chứng thực tại tỉnh Gia Lai**

### ***2.2.1. Tình hình thực hiện dịch vụ chứng thực tại tỉnh Gia Lai***

Trong những năm qua, công tác chứng thực luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Tỉnh ủy và UBND tỉnh Gia Lai, sự phối kết hợp giữa các cơ quan, ban, ngành, tổ chức có liên quan. Ngay sau khi các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động chứng thực có hiệu lực thi hành, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp triển khai thực hiện một cách đồng bộ trên địa bàn tỉnh, sao cho các công việc liên quan đến chứng thực được giải quyết nhanh gọn, kịp thời cho người dân. Bằng nhiều hành động cụ thể, việc triển khai và thực hiện dịch vụ chứng thực trên địa bàn tỉnh đã từng bước đi vào nề nếp và đạt được những kết quả nhất định

### ***2.2.2. Một số vướng mắc, bất cập phát sinh và nguyên nhân từ thực tiễn thực hiện pháp luật về dịch vụ chứng thực tại tỉnh Gia Lai***

#### ***2.2.2.1. Vướng mắc, bất cập phát sinh***

Thứ nhất, đối với hoạt động chứng thực bản sao từ bản chính, thực tế vẫn có những loại giấy tờ có tính chất như bản chính, nhưng về hình thức do tính lịch sử hoặc do biểu mẫu mang tính đặc thù nên không hoàn toàn phù hợp các loại bản chính thông thường, nhưng cũng không thuộc các trường hợp không được chứng thực bản sao từ bản chính, nếu thực hiện chứng thực thì không bảo đảm cơ sở pháp lý, nhưng nếu không chứng thực thì gây khó khăn, phiền hà cho người dân vì không thể có các bản sao chứng thực để nộp cho cơ quan, tổ chức có yêu cầu.

Thứ hai, đối với việc chứng thực chữ ký, nếu xét về mặt bản chất, chứng thực chữ ký theo Nghị định 23/2015/NĐ-CP chỉ nhằm xác nhận, xác thực là người yêu cầu chứng thực chính là người đã ký chữ ký đó, tức là xác nhận về hình thức; còn nội dung giấy tờ, văn bản thì do người yêu cầu chứng thực chữ ký chịu trách nhiệm. Tuy nhiên, nếu giấy tờ, văn bản đó được lập bằng tiếng nước ngoài, để có đủ cơ sở chứng thực chữ ký đối với loại văn bản này, cơ quan thực hiện chứng thực sẽ yêu cầu người dân phải có bản dịch tiếng Việt của giấy tờ, văn bản. Chính vì vậy, nếu không có hướng xử lý tốt vấn đề này thì người dân lại phải tốn kém thêm về thời gian và chi phí do phải tìm người dịch các văn bản rồi mới mang đi chứng thực chữ ký.

Thứ ba, chứng thực chữ ký trong giấy bán, tặng cho xe.

Thứ tư, tình trạng lạm dụng yêu cầu nộp bản sao chứng thực từ bản chính vẫn tương đối phổ biến, gây phiền hà cho người dân và lãng phí xã hội không nhỏ.

Thứ năm, việc thực hiện chứng thực chữ ký của người khai lý lịch cá nhân tại một số UBND cấp xã thực hiện chưa thống nhất, chưa đảm bảo quy định, tình trạng UBND cấp xã xác nhận trực tiếp vào sơ yếu lý lịch của cá nhân, xác nhận nội dung lời chứng thực chữ ký vẫn còn xảy ra gây bất lợi cho người dân khi sử dụng sơ yếu lý lịch.

*2.2.2.2. Nguyên nhân của những vướng mắc, bất cập phát sinh trong thực hiện pháp luật về dịch vụ chứng thực tại tỉnh Gia Lai.*

Thứ nhất, công tác tham mưu chứng thực các hợp đồng, giao dịch này là của công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã, trong khi biên chế về công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã hiện nay chỉ có từ 01 đến 02 người, lại phải đảm nhiệm rất nhiều công việc. Trình độ của công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Thứ hai, vẫn còn một số địa phương giao công việc tiếp nhận hồ sơ tham mưu chứng thực hợp đồng cho bộ phận địa chính xã đảm nhiệm. Khi thực hiện công tác tham mưu chứng thực, bộ phận địa chính xã không có sổ để ghi các việc chứng thực hợp đồng, giao dịch, không đúng chuyên môn, nghiệp vụ nên gây ra nhiều sai sót.

Thứ ba, không ít người dân chưa biết hết những trình tự quy định của pháp luật nên đã có sự tác động không nhỏ đến công chức tư pháp - hộ tịch và người có thẩm quyền chứng thực.

Thứ tư, do trình độ, năng lực chuyên môn còn hạn chế, chưa được đào tạo bài bản nên công tác tham mưu có nhiều sai sót, có những trường hợp công chức tư pháp - hộ tịch không biết việc làm đó là sai.

## **Tiểu kết Chương 2**

Trong phạm vi nghiên cứu Chương 2, tác giả đã giải quyết các nội dung sau:

1. Phân tích và đánh giá thực trạng quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về dịch vụ chứng thực. Qua đó cho thấy, pháp luật về dịch vụ chứng thực đã quy định rõ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của hoạt động chứng thực, nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động chứng thực, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể thực hiện chứng thực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, ổn định trật tự xã hội.

Bên cạnh những kết quả đạt được thì pháp luật về dịch vụ chứng thực còn bộc lộ những bất cập, hạn chế do những nguyên nhân khách quan và chủ quan, gây ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động chứng thực.

2. Phân tích và đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật về dịch vụ chứng thực tại Tỉnh Gia Lai; qua đó cho thấy khung pháp lý về dịch vụ chứng thực đã từng bước đáp ứng nhu cầu trong việc đảm bảo an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia giao dịch dân sự, kinh tế thương mại trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Tuy nhiên, bên cạnh một số kết quả đạt được thì thực tiễn thực hiện pháp luật vẫn phát sinh một số vướng mắc, bất cập cần tiếp tục nghiên cứu các giải pháp nhằm khắc phục, hoàn thiện dịch vụ chứng thực trên địa bàn tỉnh.

### CHƯƠNG 3

## ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ DỊCH VỤ CHỨNG THỰC

### **3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về dịch vụ chứng thực.**

#### ***3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về dịch vụ chứng thực phải gắn liền với tổng thể cải cách thủ tục hành chính và xây dựng chính quyền điện tử.***

Mục tiêu của chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước là xây dựng một nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng. Chứng thực là một hoạt động và là một thủ tục hành chính chủ yếu được thực hiện bởi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Chính vì thế, hoàn thiện pháp luật về dịch vụ chứng thực vừa là một yêu cầu để tăng cường quản lý nhà nước trên lĩnh vực này, đáp ứng mục tiêu đề ra của cải cách hành chính, vừa là một nội dung của cải cách hành chính, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

#### ***3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về dịch vụ chứng thực phải khắc phục các bất cập, vướng mắc phát sinh từ thực tiễn.***

Ngày 16/02/2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/4/2015. Cho đến nay, việc triển khai thi hành các quy định của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP đã dần đi vào nề nếp. Tuy nhiên, sau quá trình triển khai thi hành trên thực tiễn triển khai thi hành Nghị định số 23/2015/NĐ-CP thì Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực đã nhận được phản ánh về vướng mắc và kiến nghị của địa phương liên quan đến một số quy định trong Nghị định cần tiếp tục được quy định chi tiết.

#### ***3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về dịch vụ chứng thực phải gắn đảm bảo sự đồng bộ và thống nhất với các lĩnh vực pháp luật có liên quan***

Trước đây, quy định pháp luật điều chỉnh về dịch vụ chứng thực còn tản mạn, chắp vá và chưa thống nhất, đồng bộ được ghi nhận tại nhiều văn bản pháp luật khác nhau. Đến nay Nghị định số 23/2015/NĐ-CP đã được ban hành, thống nhất cơ sở pháp lý của hoạt động chứng thực song hiệu lực pháp lý của quy phạm pháp luật về dịch vụ chứng thực chưa cao, mới chỉ dừng ở cấp độ Nghị định. Trong khi

đó, một số văn bản điều chỉnh lĩnh vực khác có liên quan đến hoạt động chứng thực hầu hết đã được ban hành ở cấp độ luật như Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Công chứng... Do đó, nhiều vấn đề liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung pháp luật về dịch vụ chứng thực phải phụ thuộc và tuân theo quy định của các văn bản ở cấp độ Luật của chuyên ngành khác.

### **3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về dịch vụ chứng thực.**

#### **3.2.1. Xây dựng Luật chứng thực.**

Thứ nhất, xác định rõ khái niệm chứng thực, phạm vi, tên gọi của Luật.

Trên cơ sở xác định nội hàm của khái niệm chứng thực và phạm vi điều chỉnh như trên, thì việc lấy tên gọi “Luật chứng thực” là phù hợp.

Thứ hai, về phạm vi các việc chứng thực, theo pháp luật hiện hành về chứng thực, tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, phạm vi chứng thực bao gồm chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. Kế thừa quy định này và qua phân tích nội hàm của khái niệm chứng thực như nêu trên, cần quy định rõ phạm vi điều chỉnh của dự án Luật chứng thực trên 3 nhóm vấn đề sau:

Một là, chứng thực là việc xác nhận tính chính xác, có thật của giấy tờ, văn bản (thị thực giấy tờ) – tương ứng với chứng thực bản sao từ bản chính như hiện nay.

Hai là, thực hiện nguyên tắc “một luật sửa nhiều luật” bằng cách quy định trong Luật một điều khoản sửa đổi quy định trong các văn bản luật yêu cầu người dân phải nộp bản sao có chứng thực khi thực hiện giải quyết thủ tục hành chính.

Ba là, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chứng thực.

Ngoài những vấn đề trên đây, khi xây dựng Luật chứng thực cần chú ý bổ sung những vấn đề sau:

Một là, quy định rõ trong Luật trách nhiệm của người có thẩm quyền chứng thực, người yêu cầu chứng thực, người tiếp nhận/sử dụng giấy tờ văn bản đã được chứng thực.

Hai là, về việc hiện đại hóa trình tự, thủ tục chứng thực trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin vào lĩnh vực này.

Ba là, Luật cần có quy định linh hoạt để mở rộng thẩm quyền chứng thực đối với cơ quan, tổ chức mà không bị phụ thuộc vào địa giới hành chính, hay nói cách khác cần đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động chứng thực.

Bốn là, Luật cần có quy định (mang tính nguyên tắc) về tiêu chuẩn/điều kiện người phiên dịch, cấp chứng chỉ hành nghề dịch thuật và quản lý đội ngũ người phiên dịch.

### ***3.2.2. Hoàn thiện các quy định pháp luật hiện hành về chứng thực***

Thứ nhất, cần sửa đổi, bổ sung quy định xuất trình và nộp các giấy tờ tùy thân khi thực hiện chứng thực.

Thứ hai, cần sửa đổi quy định về chế độ lưu trữ.

Thứ ba, cần bãi bỏ hoặc sửa đổi những quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư 01/2020/TT-BTP về việc chứng thực chữ ký trên giấy ủy quyền.

Thứ tư, cần bổ sung quy định về hồ sơ chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài.

Thứ năm, cần quy định cụ thể các loại giấy tờ cần phải nộp hoặc xuất trình trong hồ sơ chứng thực các hợp đồng, giao dịch cụ thể.

Thứ sáu, để tránh tình trạng tùy tiện trong trường hợp chứng thực hợp đồng, giao dịch trong đó có một bên tham gia là người có thẩm quyền giao kết hợp đồng của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đã đăng ký chữ ký mẫu thì cần bổ sung quy định về đăng ký chữ ký mẫu tại khoản 3 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về “Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch”.

Thứ bảy, cần có quy định cụ thể mẫu lời chứng chứng thực áp dụng cho trường hợp phải thực hiện chứng thực ở nhiều địa điểm khác nhau ngoài cơ quan chứng thực.

## **3.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về dịch vụ chứng thực trên địa bàn Tỉnh Gia Lai**

### ***3.3.1. Nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ công chức tư pháp địa phương.***

Để giảm thiểu tình trạng thiếu công chức Tư pháp – hộ tịch ở địa phương, các đơn vị cấp xã nào đã có công chức Tư pháp - hộ tịch có trình độ trung cấp luật trở lên thì cần giữ nguyên, không được bố trí công tác khác, trừ khi đã có người có chuyên môn phù hợp thay thế; cần tạo điều kiện về thời gian, kinh phí... để công chức tư pháp được đi đào tạo các lớp luật tại chức để đảm bảo yêu cầu giải quyết công việc hiện nay.

Xây dựng chương trình bồi dưỡng cho công chức Tư pháp - hộ tịch cấp xã những kỹ năng nghiệp vụ về chứng thực, nhất là những công chức trực tiếp thực



hiện công tác này ở địa phương, đặc biệt là kỹ năng xử lý các tình huống phức tạp phát sinh trong thực tiễn như: Kỹ năng thẩm tra, xác minh, kỹ năng nhận biết giấy tờ, con dấu giả,...

Các ngành chức năng cũng cần quan tâm bố trí tăng thêm biên chế công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã

### ***3.3.2. Đẩy mạnh hiệu quả thực hiện công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật về dịch vụ chứng thực***

Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật nhằm mục đích thiết lập ý thức pháp luật dưới dạng lòng tin, thói quen, động cơ của hành vi tích cực pháp luật của con người. Về đối tượng cần thực hiện tuyên truyền phổ biến pháp luật với các đối tượng chủ yếu sau:

Thứ nhất, đối với cán bộ, công chức.

Thứ hai, đối với nhân dân trên địa bàn Tỉnh Gia Lai.

Đẩy mạnh, tăng cường thông tin, tuyên truyền, phổ biến giáo dục các quy định pháp luật về dịch vụ chứng thực cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động chứng thực, các cơ quan nhà nước có liên quan bằng đa phương tiện truyền thông, bằng nhiều hình thức.

### ***3.3.3. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong hoạt động chứng thực***

Cần có những cuộc tập huấn chuyên môn về công tác chứng thực cho địa phương, đồng thời tăng cường hơn nữa công tác thanh tra, kiểm tra để phát huy những mặt tích cực, những cách làm hay để làm mô hình nhân rộng, đồng thời kịp uốn nắn, khắc phục những sai phạm.

Lãnh đạo phòng Tư pháp các huyện trong các cuộc họp trực báo định kỳ của mình với các công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã trên địa bàn huyện, cần thường xuyên chấn chỉnh, nhắc nhở các công chức Tư pháp - Hộ tịch phải lưu ý đến nghiệp vụ chứng thực, tránh để xảy ra những sai sót.

### **Tiểu kết Chương 3**

Trong phạm vi nghiên cứu Chương 3, tác giả đã giải quyết các nội dung sau:

1. Đề xuất nhóm định hướng hoàn thiện pháp luật về dịch vụ chứng thực.

Theo đó, hoàn thiện pháp luật về dịch vụ chứng thực trước tiên phải gắn liền với tổng thể cải cách thủ tục hành chính và xây dựng chính quyền điện tử. Bên cạnh đó, hoàn thiện pháp luật về dịch vụ chứng thực phải khắc phục các bất cập, vướng mắc phát sinh từ thực tiễn; đồng thời đảm bảo sự đồng bộ và thống nhất với các lĩnh vực pháp luật có liên quan

2. Kiến nghị nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật về dịch vụ chứng thực và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật trên thực tiễn. Theo đó, để tạo lập khung pháp lý hoàn thiện về dịch vụ chứng thực thì trước tiên cần “ưu tiên” xây dựng “Luật chứng thực” trong thời gian tới; đây là cơ sở pháp điển hoá hết sức quan trọng trong việc thực hiện pháp luật về dịch vụ chứng thực trên thực tiễn.

## KẾT LUẬN

Chứng thực có vai trò quan trọng đối với các hoạt động của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp và hoạt động quản lý Nhà nước. Vì vậy, việc điều chỉnh bằng pháp luật đối với các quan hệ xã hội trong hoạt động chứng thực là cần thiết và là lẽ đương nhiên. Các nội dung điều chỉnh pháp luật về dịch vụ chứng thực là: Thẩm quyền chứng thực, trình tự, thủ tục thực hiện các loại việc chứng thực cụ thể. Các nội dung này chịu sự ảnh hưởng bởi các yếu tố về chính sách, chủ trương, đường lối của Đảng, sự phát triển của nền kinh tế thị trường, ý thức pháp luật. Các nội dung điều chỉnh pháp luật về dịch vụ chứng thực có xu hướng ngày càng hoàn thiện hơn, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của đất nước ở từng thời kỳ lịch sử.

Có thể thấy rằng, hệ thống pháp luật về dịch vụ chứng thực ở Việt Nam hiện nay đã hoàn thiện hơn thời kỳ trước đây. Nhìn chung, các quy định pháp luật hiện hành về chứng thực có sự tiến bộ vượt bậc so với trước đây; điều chỉnh mối quan hệ trong hoạt động chứng thực tương đối rõ ràng, cụ thể, độc lập. Mặc dù vậy, một số quy định còn thể hiện sự bất cập, chưa rõ ràng, chưa bao quát và hiệu lực pháp lý chưa cao so với các lĩnh vực có liên quan. Từ đó dẫn đến thực tiễn thực hiện pháp luật về dịch vụ chứng thực vẫn còn tồn tại những khó khăn, vướng mắc, một số địa phương còn lúng túng trong việc áp dụng các quy định pháp luật vào thực tiễn và xảy ra nhiều vi phạm.

Trước những tồn tại, vướng mắc, bất cập trong pháp luật về dịch vụ chứng thực cũng như việc tổ chức thực hiện pháp luật, yêu cầu đặt ra là phải có những giải pháp hoàn thiện pháp luật và các giải pháp bảo đảm việc thực hiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động chứng thực ở Việt Nam hiện nay. Trong đó chú trọng đến việc sửa đổi, bổ sung một số quy định pháp luật hiện hành, ban hành Luật chứng thực và tăng cường việc thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động chứng thực.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### I. Tài liệu sách tham khảo/luận văn/tạp chí

1. Hoàng Thị Dung (2020), Pháp luật về dịch vụ chứng thực tại ủy ban nhân dân cấp xã – từ thực tiễn huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Luận văn thạc sĩ, Học viện Hành chính Quốc gia.
2. Nguyễn Thùy Dung (2014), “*Quản lý nhà nước về chứng thực - Qua thực tiễn Thành phố Hà Nội*”, Luận văn thạc sĩ, Khoa Luật Đại học Quốc gia HN.
3. Dương Văn Đức (2018), “Chứng thực của UBND phường thực tiễn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội”, Luận văn thạc sĩ Học viện Khoa học xã hội.
4. Nguyễn Thị Lan (2017), “Pháp luật về dịch vụ chứng thực ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng và giải pháp”, Luận văn thạc sĩ Trường Đại học Luật Hà Nội.
5. Chu Thị Tuyết Lan (2012), “*Quản lý nhà nước về chứng thực thực trạng và phương hướng đổi mới*”, Luận văn thạc sĩ, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Đinh Văn Mậu, Phạm Hồng Thái (2001), Lý luận chung về nhà nước và pháp luật, Nxb. Chính trị quốc gia.
7. Nguyễn Thu Hương (2018), Áp dụng pháp luật về dịch vụ chứng thực qua thực tiễn tại Huyện Phúc Thọ, TP. Hà Nội, Luận văn thạc sĩ, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Hoàng Văn Tá (2020), “Chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã từ thực tiễn huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai”, Luận văn thạc sĩ Học viện Khoa học xã hội.

9. Lương Thị Bích Thủy (2018), “Thực hiện pháp luật về dịch vụ chứng thực - Từ thực tiễn thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình”, Luận văn thạc sĩ, Học viện Hành chính Quốc gia.

10. Nguyễn Thị Thúy Vân (2017), Chứng thực của UBND xã từ thực tiễn huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội, Luận văn thạc sĩ Học viện Khoa học xã hội.

11. Đỗ Hồng Phúc (2020), “Thực hiện pháp luật về dịch vụ chứng thực từ thực tiễn quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội”, Luận văn thạc sĩ, Học viện Hành chính Quốc gia.

12. Lê Thị Hoài Thương (2017), Quản lý nhà nước về dịch vụ chứng thực của ủy ban nhân dân cấp huyện tại thành phố Hồ Chí Minh, Tạp chí Tổ chức nhà nước, Số 7.

13. Đặng Tuyên(2015), Công chứng và chứng thực từ nghị trường quốc hội đến thực tiễn, Tạp chí Tài nguyên và Môi trường, Số 23(229).

14. Phan Thủy (2008), Tránh nhân lẫn việc công chứng với chứng thực, Tạp chí Dân chủ & pháp luật, Số 9(198).

15. Tuấn Đạo Thanh (2006), Bàn về chức năng của hoạt động công chứng, chứng thực, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, 2/2006, Số 214.

16. Bùi Đăng Vương (2013), Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất-nhìn từ cấp xã ở một địa phương, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp.

## **II. Tài liệu điện tử**

17. Bình An (2021), Nhiều bất cập trong thực hiện quy định về chứng thực; xem tại: <https://baophapluat.vn/nhieu-bat-cap-trong-thuc-hien-quy-dinh-ve-chung-thuc-post406206.html>.

18. Trần Việt Dũng (2022), Các quy định pháp luật về dịch vụ chứng thực: Một số hạn chế và kiến nghị sửa đổi, bổ sung, Tạp chí Pháp luật và thực tiễn, Truy vấn từ <https://tapchi.hul.hueuni.edu.vn/index.php/jl/article/view/93>

19. <https://www.eda.admin.ch/countries/iran/en/home/representations/embassy/embassy-of-switzerland-foreign-interests-section/notarization.html>

20. [https://www.gesetze-internet.de/englisch\\_bnoto/englisch\\_bnoto.html](https://www.gesetze-internet.de/englisch_bnoto/englisch_bnoto.html)

21. Nguyễn Thị Thu Hương (2014), Vì sao pháp luật về dịch vụ chứng thực chưa hoàn thiện; xem tại: <https://lvngroup.vn/2023/01/30/vi-sao-phap-luat-ve-chung-thuc-chua-hoan-thien/>.

22. Phan Thị Phương Huyền (2019), Một số bất cập của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch và kiến nghị hoàn thiện; xem tại: <http://caodangluatmientrung.edu.vn/vi/news/Nghien-cuu-trao-doi/Mot-so-bat-cap-cua-Nghi-dinh-so-23-2015-ND-CP-cua-Chinh-phu-ve-cap-ban-sao-tu-so-goc-chung-thuc-ban-sao-tu-ban-chinh-chung-thuc-chu-ky-va-chung-thuc-hop-dong-giao-dich-va-kien-ngho-hoan-thien-1360.html>

23. An Khánh (2018), Một số bất cập trong công tác chứng thực; xem tại: <http://phapluatkhanhhoa.vn/tin-chi-tiet/id/7461/Mot-so-bat-cap-trong-cong-tac-chung-thuc>

24. Đỗ Nga (2022), Hoàn thiện hành lang pháp lý cho hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử; xem tại: <https://haugiang.gov.vn/web/so-khoa-hoc-cong-nghe/chi-tiet/-/tin-tuc/Hoan-thien-hanh-lang-phap-ly-cho-hoat-ong-chung-thuc-hop-ong-ien-tu30007>.

25. Lê Nguyệt (2019), Còn nhiều khó khăn, vướng mắc trong thực hiện công tác chứng thực; xem tại: [https://donghy.thainguyen.gov.vn/van-hoa-xa-hoi/-/asset\\_publisher/Pd5HkZs9ZQIG/content/con-nhieu-kho-khan-vuong-mac-trong-thuc-hien-cong-tac-chung-thuc/259513](https://donghy.thainguyen.gov.vn/van-hoa-xa-hoi/-/asset_publisher/Pd5HkZs9ZQIG/content/con-nhieu-kho-khan-vuong-mac-trong-thuc-hien-cong-tac-chung-thuc/259513)

26. Trần Thị Tú (2018), Trao đổi một số bất cập về công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; xem tại: <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2332>